

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 490/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Văn T – Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu X thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Võ (Võ) Văn H, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

(các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc N trình bày: bà và ông H cưới nhau vào năm 1977, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2003 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông

H tính tình cục cằn, không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập xúc phạm bà. Lúc trước bà cố gắng chịu đựng vì con chung còn nhỏ, bà cũng khuyên ông H nhiều lần nhưng đến nay ông H vẫn không thay đổi. Từ đầu năm 2020 bà và ông H đã sống ly thân, bà không thể tiếp tục chung sống với ông H nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1979; Võ Thị N, sinh năm 1981; Võ Thị Thanh T, sinh năm 1985 và Võ Thị Hoài A, sinh năm 1991 đều đã thành niên.

Về chia tài sản: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông H có vay tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Lức - PGD C nhưng chưa đến hạn thanh toán, Ngân hàng không tranh chấp hợp đồng vay trong vụ án này nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ (Võ) Văn H trình bày:* về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống, thời gian ly thân đúng như bà N trình bày. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do trong thời gian chung sống bà N thường hay đi khỏi nhà mà không nói cho ông biết, ông không rõ bà N đi đâu nên có lớn tiếng cự cãi với bà N làm vợ chồng mâu thuẫn. Khi bà N bỏ đi ông cũng thuyết phục bà N nhiều lần nhưng không kết quả. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà N vì bà N còn đang giữ tài sản chung của vợ chồng là tiền, vàng nhưng chưa chia lại cho ông. Khi nào bà N chia lại tài sản cho ông thì ông mới đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1979; Võ Thị N, sinh năm 1981; Võ Thị Thanh T, sinh năm 1985 và Võ Thị Hoài A, sinh năm 1991 đều đã thành niên.

Về tài sản chung: ông có làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng do điều kiện của ông khó khăn nên ông không thể đóng tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án.

Về nợ chung: ông và bà N có vay tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Lức - PGD C, ông không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc N trình bày: bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H vì vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, ông H hiện đang chung sống với người phụ nữ khác. Bà không giữ tài sản như lời ông H trình bày nên không thể giao lại tài sản theo yêu cầu của ông H.

- Bị đơn ông Võ (Võ) Văn H trình bày: việc ông có quen biết với người phụ nữ khác xảy ra sau khi bà N bỏ đi, tuy nhiên ông không có chung sống như bà N trình bày. Ông nhiều lần năn nỉ bà N đoàn tụ nhưng bà N vẫn không đồng ý. Hiện tại mâu thuẫn giữa ông với bà N đã lớn, không còn khả năng hàn gắn

nhưng bà N không chia tài sản cho ông nên ông vẫn không đồng ý ly hôn với bà N.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trần Văn T trình bày:* Bà N yêu cầu ly hôn với ông H với lý do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, gây nợ nần, có quan hệ với người khác thậm chí nhiều lần đánh bà N, khiến bà N chịu áp lực nên không thể chung sống với ông H mà phải đi sống nương nhờ nhà con cái. Ngoài ra, trong lúc chung sống ông H có làm giấy hứa hẹn bỏ cờ bạc tuy nhiên sau đó ông H không thực hiện. Vợ chồng ly thân gần 01 năm nay cho thấy bà N và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, phía ông H từ lúc ly thân đến nay vẫn không thay đổi và không có biện pháp để thuyết phục bà N, lý do ông H không đồng ý ly hôn là do bà N không chia tài sản cho ông H chứ không xuất phát từ tình cảm vợ chồng mong muốn hàn gắn với bà N. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N ly hôn với ông H. Về con chung có 04 con chung nhưng đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về chia tài sản bà N không có yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, quá trình chung sống vợ chồng có vay tiền của ngân hàng để làm vốn cho con làm ăn tuy nhiên ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khoản nợ này sau này có tranh chấp thì các bên sẽ giải quyết trong vụ án khác bà N không có ý kiến.

- *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải giữa các đương sự nên việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Về nội dung: xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà N đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: có 04 người con chung đã thành niên nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Võ Văn H có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên ông không thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc đóng tạm ứng án phí nên không xem xét giải quyết. Bởi các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ (Võ) Văn H là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông H chung sống với nhau vào năm 1977, đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2003 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà N trình bày là do trong thời gian chung sống ông H thường hay đánh bà N, không chăm lo cho gia đình, hiện nay còn đang chung sống với người phụ nữ khác. Ông H cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông đã nhận lỗi và năn nỉ bà N nhiều lần nhưng vợ chồng không hòa thuận được, ông H cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên chỉ khi nào bà N giao lại tài sản cho ông H thì ông H mới đồng ý ly hôn với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy: qua lời trình bày của bà N và ông H thể hiện vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, ông H không đồng ý ly hôn nhưng ông H không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc ông H đề nghị không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N vì bà N không chia tài sản là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, cần xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông H.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1979; Võ Thị N, sinh năm 1981; Võ Thị Thanh T, sinh năm 1985 và Võ Thị Hoài A, sinh năm 1991 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: bà N không yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Ông H có đơn yêu cầu chia tài sản chung, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông H xác định không nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết đơn yêu cầu của ông H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Nếu sau này ông H, bà N phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

[2.4] Về nợ chung: Tại văn bản số 01/PGDCĐ ngày 29/3/2021 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Lức - PGD C trình bày không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ vay của ông H, bà N do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, tuy nhiên bà N trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo qui định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc N đối với ông Võ (Võ) Văn H về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Ngọc N được ly hôn với ông Võ (Võ) Văn H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Võ Thị Thùy Tr, sinh năm 1979; Võ Thị N, sinh năm 1981; Võ Thị Thanh T, sinh năm 1985 và Võ Thị Hoài A, sinh năm 1991 đều đã thành niên.

Về án phí: Bà N được miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008991 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang